

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Ngọc Yến Anh

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Tín

Ông Trần Minh Thật

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Lê Đăng Phương Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 09 đến 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2026/QĐXX-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A M, phường N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1989, địa chỉ: Số A N, phường N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

*- Bị đơn:* Ông Lê Huy P, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Số A N, phường N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên hệ: Chung cư S - 02 H, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Phương T1: Ông Lê Huy P, sinh năm 1985; địa chỉ liên hệ: Chung cư S - 02 H, phường N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

*- Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu N trình bày:*

Bà Đỗ Thị Thu N và vợ chồng ông Lê Huy P, bà Nguyễn Phương T1 có quan hệ hợp tác làm ăn, cụ thể là thực hiện cho vay đáo hạn ngân hàng. Khi ông P, bà T1 có khách hàng cần đáo hạn Ngân hàng thì bà N sẽ chuyển khoản số tiền cần đáo hạn cho ông P, bà T1 thực hiện việc cho vay đáo hạn cho khách hàng và chuyển phần lãi, phí thỏa thuận cho bà N. Sau đó ông P, bà T1 chuyển tiền cho khách cần đáo hạn vay với phần lãi, phí cao hơn để hưởng chênh lệch. Hai bên hợp tác làm ăn đến hết năm 2024 rồi kết thúc không thực hiện giao dịch nữa. Và mọi khoản chuyển khoản qua lại cho hoạt động cho vay đáo hạn từ năm 2024 đã được chấm dứt vào ngày 28/2/2025.

Ngày 3/3/2025, bà Nguyễn Phương T1 tiếp tục có nhắn tin mượn bà N số tiền khác. Bà N đã chuyển khoản là 3.200.000.000 đồng (*ba tỷ hai trăm triệu đồng*) và giao tiền mặt tổng cộng là 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng*). Do phát hiện vợ chồng P, T1 không tiếp tục thực hiện hoạt động cho vay đáo hạn và sử dụng vào việc cá nhân nên đến ngày 04/10/2025, hai bên chốt lại tổng số tiền ông P, bà T1 còn nợ bà N là 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng*) và yêu cầu trả tiền. Sau đó, ông P có chuyển khoản trả bà N số tiền 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*), còn nợ lại 3.650.000.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Ngày 06/10/2025, các bên đã thống nhất hiện ông P và bà T1 còn nợ bà N tổng số tiền nợ là 3.650.000.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Sau khi chốt tổng số nợ thì ông P có chuyển khoản thêm cho bà N để trả một khoản tiền là 135.400.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*), cụ thể:

- + Ngày 6/10/2025 là 30.400.000 đồng (*ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*).
- + Ngày 8/10/2025 là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).
- + Ngày 12/10/2025 là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).
- + Ngày 22/10/2025 là 35.0000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*).

Nhiều lần, bà N đã yêu cầu ông P, bà T1 trả tiền nợ nhưng ông P, bà T1 cứ hẹn không trả. Ông P, bà T1 cũng từng đề nghị chuyển nhượng đất cho bà N để cản trừ số nợ nhưng cũng không thực hiện. Mặc dù theo thỏa thuận vay có lãi nhưng để tạo điều kiện cho bị đơn, nguyên đơn cản trừ toàn bộ các khoản tiền trả sau ngày chốt nợ thành tiền gốc.

Nay, bà N yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1 phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu là 3.565.000.000 đồng (*ba tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng*). Yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 04/10/2025 là 20%/năm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Công T xác nhận các số liệu tính toán của bị đơn là đúng nhưng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu cản trừ lãi của ông P, bà T1 do thời điểm chuyển khoản qua lại là của các lần hợp tác năm 2024, sau ngày 28/02/2025 các bên đã chấm dứt tất toán các

khoản tiền hàng tuần. Đối với số nợ bà N đang yêu cầu là không liên quan đến các khoản hợp tác cho vay đáo hạn năm 2024 như ông P trình bày. Còn về tiền lãi thỏa thuận theo trình bày của bị đơn, nguyên đơn khẳng định từ 13/5/2024 đến ngày 28/02/2025 là các bên thực hiện dịch vụ cho vay đáo hạn, không phải đơn thuần là cho vay tiền lấy lãi. Vì việc cho vay đáo hạn này diễn ra chỉ trong thời gian ngắn và cần một số tiền lớn để trả toàn bộ tiền nợ đến hạn cho ngân hàng. Bà N nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho vợ chồng bà T1, ông Phương Đ thực hiện dịch vụ cho vay đáo hạn. Sau đó bà T1, ông P lại chuyển lại cho người có nhu cầu vay với phần lãi suất và phí cao hơn để hưởng chênh lệch. Hoạt động này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn (03-07 ngày), rủi ro cao nên ngoài tiền lãi, bên vay phải trả thêm phần chi phí thỏa thuận. Vì vậy, các số liệu 0,18% và 0,2% theo ngày là bao gồm lãi và chi phí cho bà N. Đồng thời, nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi và đồng ý trừ toàn bộ khoản tiền đã trả từ ngày 04/10/2025 đến nay, nên chỉ yêu cầu nợ gốc còn thiếu là 3.514.600.000 đồng (*ba tỷ năm trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

*\* Bị đơn ông Lê Huy P trình bày:*

Do có làm trong lĩnh vực tài chính nên ông biết có nhiều người cần vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Vì biết bà N có nguồn tài chính nhàn rỗi và có nhu cầu cho vay để kiếm tiền lãi nên hai bên đã kết nối hợp tác làm ăn từ khoảng tháng 05/2024 đến tháng 10/2025. Ông xác nhận hiện tại đang nợ bà N số tiền 3.565.000.000 đồng (*ba tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi chưa trả. Tuy nhiên ông cho rằng đã trả tiền lãi cho bà N rất nhiều, đề nghị tính toán bớt số tiền ông phải trả cho bà N.

Về việc bà N kiện cả bà T1 vợ của ông, ông có ý kiến như sau: Bà T1 chỉ liên quan đến các khoản nợ vay đến hết tháng 3/2025 vì vợ ông sau đó nghỉ sinh nên chỉ có ông làm việc với bà N từ tháng 4/2025 đến nay. Sau đó bà T1 không rõ việc cho vay như thế nào, trả ra sao.

Tại đơn đề ngày 18/11/2025, ông P trình bày: Trong thời gian từ tháng 05/2024 đến nay, ông có vay tiền của bà Đỗ Thị Thu N nhiều lần, với mức lãi suất 0,2%/ngày (tương đương 73%/năm), vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật (20%/năm). Hàng tuần hai bên đều chốt lãi và ông đã thanh toán đầy đủ. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét buộc bà N hoàn trả phần lãi vượt quá quy định, căn trừ vào khoản nợ gốc 3.565.000.000 đồng (*ba tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) mà bà N đang yêu cầu ông thanh toán; nếu còn chênh lệch, ông xin được nhận lại.

Ngày 27/11/2025, bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T2 có đơn yêu cầu phản tố trình bày như sau: Từ tháng 05/2024 đến ngày 10/10/2025, vợ chồng ông có vay tiền của bà N để làm ăn. Theo đó, bà N cho vay tiền tính lãi từng ngày với lãi suất 0,2%/ngày (đối với khoản vay dưới 5 tỷ) và 0,18%/ngày (đối với khoản vay từ 5 tỷ trở lên). Đến thứ sáu hàng tuần thì hai bên sẽ chốt tiền gốc và vay nợ với nhau và bị đơn chuyển trả tiền gốc, lãi.

Tổng số tiền lãi đã thanh toán cho bà N tính đến tháng 10/2025 là 2.518.182.000 đồng (*hai tỷ năm trăm mười tám triệu một trăm tám mươi hai ngàn đồng*). Chúng tôi yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định là 20%/năm là 731.901.370 đồng (*bảy trăm ba mươi một triệu chín trăm lẻ một ngàn ba trăm bảy mươi đồng*) và tiền lãi trả dư là 1.786.280.630 đồng (*một tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn sáu trăm ba mươi đồng*) được khấu trừ vào số tiền gốc còn lại 3.565.000.000 đồng (*ba tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa, ông Lê Huy P xác nhận vợ ông là Nguyễn Phương T1 và bà Đỗ Thị Thu N có cùng làm việc chung tại Ngân hàng TMCP B - Chi Nhánh K (nay đổi tên là Ngân hàng TMCP L) nên biết nhiều khách hàng có nhu cầu vay tiền để thực hiện đảo hạn ngân hàng. Hai bên đã hợp tác cùng thực hiện dịch vụ cho vay đảo hạn ngân hàng từ tháng 05/2024 đến tháng 02/2025. Hình thức là khi bà T1 có khách thì báo cho bà N biết để cung cấp vốn với lãi suất và phí mỗi ngày từ 0,18% đến 0,2%. Sau đó bà T1 cho khách hàng vay đảo hạn lại với lãi suất và phí cao hơn. Đến ngày 21/02/2025 thì hai bên không thực hiện dịch vụ đảo hạn nữa vì bà T1 nghỉ sinh. Đến tháng 3/2025 thì hai bên lại tiếp tục thực hiện với khoản vay đảo hạn là 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng*), bà N lập nhóm zalo để trao đổi với ông P và bà T1 nhưng thực chất là chỉ có ông P trực tiếp đứng ra giao dịch. Sau đó, do gặp rủi ro khách hàng không trả nợ vay nên ông P và bà N đã chốt nợ và đến ngày 04/10/2025 có số nợ còn lại gốc 3.565.000.000 đồng (*ba tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng*). Sau đó, bị đơn tiếp tục chuyển trả số tiền 135.400.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*) như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, vì lý do gặp rủi ro nên bị đơn mong muốn được nguyên đơn chia sẻ, căn trừ số tiền lãi đã trả vượt quá trước đó là 1.786.280.630 đồng (*một tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn sáu trăm ba mươi đồng*) vào một phần tiền gốc để bị đơn có điều kiện thực hiện.

Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 5, Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu N về việc buộc bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1 phải trả tiền gốc 50.400.000 đồng (*năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*) và tiền lãi kể từ ngày 04/10/2025 với mức lãi suất 20%/năm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu N: Buộc bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1 phải trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu N số tiền gốc đã vay là: 3.514.600.000 đồng (*ba tỷ năm trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quy định chung và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/01/2026, bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Bị đơn ông Lê Huy P cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Phương T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án sơ thẩm thiếu khách quan, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

2.1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, được thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2.2. Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ cũng như qua phần tranh tụng, tranh luận công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1 hợp lệ, theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận do mối quan hệ

đồng nghiệp giữa bà Đỗ Thị Thu N và bà Nguyễn Phương T1, nên bà N có cho vợ chồng bà T1 và ông Lê Huy P vay tiền để thực hiện dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, ngày 21/02/2025 ông P chuyển trả đủ cho bà N số tiền 5.000.000.000 đồng và tại thời điểm này các bên đã chấm dứt việc hợp tác thực hiện dịch vụ vay đáo hạn ngân hàng.

[2.2] Khi bà T1 nghỉ sinh, vào đầu tháng 3/2025, ông P tiếp tục hỏi vay tiền của bà N. Ngày 04/3/2025, bà N chuyển khoản và đưa tiền mặt cho vợ chồng ông P, bà T1, với tổng số tiền vay là 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng*). Sau đó, ông P chuyển trả số tiền 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*). Đến ngày 06/10/2025, các bên thống nhất chốt số tiền bị đơn còn nợ của nguyên đơn là 3.650.000.000 đồng (*ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Sau khi chốt tổng số nợ, bị đơn nhiều lần chuyển khoản trả thêm cho nguyên đơn với số tiền 135.400.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*), còn nợ lại số tiền 3.514.600.000 đồng (*ba tỷ năm trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà N xác định khởi kiện đối với số tiền 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng*) là khoản vay tính từ ngày 04/3/2025 và được chốt nợ vào ngày 06/10/2025; hoàn toàn không liên quan đến các khoản vay đáo hạn thực hiện trước tháng 02/2025. Đồng thời, bị đơn ông P cũng xác nhận số tiền 3.514.600.000 đồng (*ba tỷ năm trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) còn nợ của nguyên đơn là tiền nợ gốc. Đây là những tình tiết có thật, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Như vậy, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu N, buộc bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay 3.514.600.000 đồng (*ba tỷ năm trăm mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*), là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Huy P và bà Nguyễn Phương T1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông P, bà T1 đã nộp, theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000808 và số 0000809 cùng ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông P và bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND khu vực 1 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 1 - Khánh Hòa;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Yến Anh**